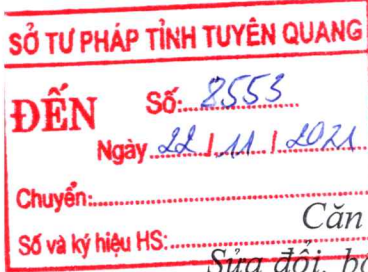


Số: 1722/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Cục Bổ trợ tư pháp tại Báo cáo số 275/BC-BTTP ngày 25 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **08** cá nhân theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để báo cáo);
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

Lê Xuân Hồng



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

NHỮNG CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUYẬT SƯ

(kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Số Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLIS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
----	---------------------------	-----------	------------	-----	----	---------------------	--------------------	-----------------

1.	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô Tấn Tài	20235	x		09/10/1979	Phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	
----	-----------------------	-------------	-------	---	--	------------	--	--

II. TRƯỜNG HỢP ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUYẬT SƯ

2.	Hà Nội	Nguyễn Khanh Ngọc	20236	x		14/09/1961	Phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Đã là điều tra viên cao cấp
3.	Lâm Đồng	Đoàn Thị Tuyết Nga	20237		x	21/05/1966	Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Đã là thẩm phán
4.	Thái Nguyên	Trần Lan Anh	20238		x	28/12/1990	Thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên	Đã là kiểm sát viên
5.	Tuyên Quang	Hoàng Phương Liên	20239		x	22/03/1966	Phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đã là thẩm phán
6.	Hậu Giang	Huỳnh Thanh Tùng	20240	x		16/09/1983	Phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Đã là thẩm phán
7.	Long An	Nguyễn Văn Kiệt	20241	x		01/07/1963	Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An	Đã là kiểm sát viên
8.	Long An	Trương Văn Vũ	20242	x		01/01/1965	Xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	Đã là kiểm sát viên

